

Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH LÂM ĐỒNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Đường bộ

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô (cấp/làn xe)
A	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG QUỐC LỘ, CAO TỐC			
I	Cao tốc (CT)			
1	Cao tốc Nha Trang (Khánh Hòa) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.25)	Giáp ranh tỉnh Khánh Hòa, huyện Lạc Dương	Giao với CT.27, chân đèo Prenn, thành phố Đà Lạt	4 làn xe
2	Cao tốc Liên Khương (Lâm Đồng) - Buôn Ma Thuật (Đắk Lắk) (CT.26)	Giao với cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, huyện Đức Trọng	Giáp ranh tỉnh Đắk Lắk, huyện Đam Rông	4 làn xe
3	Cao tốc Dầu Giây (Đồng Nai) - Liên Khương (Lâm Đồng) (CT.27)	Km 203+600 QL.20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng	Km222+820 QL.20, thành phố Đà Lạt	4 làn xe
		Giáp ranh tỉnh Đồng Nai, huyện Đạ Huoai	Giao với cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, huyện Đức Trọng	4 làn xe
II	Quốc lộ (QL)			
1	QL.20	Giáp ranh tỉnh Đồng Nai, huyện Đạ Huoai	Giao với QL.27, huyện Đơn Dương	III, 2 - 4 làn xe
2	QL.27	Giáp ranh tỉnh Đắk Lắk ở cầu Krông Nô, huyện Đam Rông	Giáp ranh tỉnh Ninh Thuận ở Eo Gió, huyện Đơn Dương	III - IV, 2 - 4 làn xe
3	QL.27C	Giáp ranh tỉnh Khánh Hòa, xã Đạ Cháy, huyện Lạc Dương	Km 239+500 của QL.20, thành phố Đà Lạt	III - IV, 2 - 4 làn xe
4	QL.28	Giáp ranh tỉnh Bình Thuận, huyện Di Linh	Giáp ranh tỉnh Đắk Nông, huyện Di Linh	III - IV, 2 - 4 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô (cấp/làn xe)
5	QL.28B	Giáp ranh tỉnh Bình Thuận, huyện Đức Trọng	Giao với QL.20, huyện Đức Trọng	IV, 2 làn xe
6	QL.55	Giáp ranh tỉnh Bình Thuận, huyện Bảo Lâm	Giáp ranh tỉnh Đắk Nông, huyện Bảo Lâm	III, 2 - 4 làn xe
7	QL.55B	Giao QL.20, thị trấn Mađaguôi, huyện Đa Huoai	Giáp ranh tỉnh Bình Phước, huyện Cát Tiên	III, 2 - 4 làn xe
8	Đường Trường Sơn Đông	Giáp ranh tỉnh Đắk Lắk, huyện Lạc Dương	Thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng	III - IV, 2 - 4 làn xe
B	MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG TỈNH (ĐT)			
I	Nâng cấp, cải tạo			
1	ĐT.724	Km193+400 của QL.20 (ngã ba Tân Hội), huyện Đức Trọng	Km125 của QL.27, huyện Đam Rông	IV, 2 làn xe
2	ĐT.729	Giao QL.27, thị trấn D'ran huyện Đơn Dương	Giao QL.28B xã Tà Hìn, huyện Đức Trọng	IV, 2 làn xe
3	ĐT.721	Giao QL.20, thị trấn Đa'Mri, huyện Đa Huoai	Giáp ranh tỉnh Bình Thuận - huyện Đa Huoai	IV, 2 làn xe
4	ĐT.722	Ngã ba Đung K'nớ, huyện Lạc Dương	Giáp ranh tỉnh Đắk Lắk - huyện Đam Rông	IV, 2 làn xe
5	ĐT.722B	Giao với QL.27, huyện Đam Rông	Giao ĐT.722, xã Đa M'rông, huyện Đam Rông	IV, 2 làn xe
6	ĐT.722C	Giao ĐT.722B, xã Đa M'rông, huyện Đam Rông	Giáp ranh tỉnh Đắk Nông - huyện Đam Rông	IV, 2 làn xe
7	ĐT.725	Phường 5, thành phố Đà Lạt	Giáp ranh tỉnh Đồng Nai - huyện Đa Têh	IV, 2 làn xe
8	ĐT.725B	Giao QL.27 xã N' Thol Hạ, huyện Lạc Dương	Giao ĐT.725, thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà (cầu thác voi)	IV, 2 làn xe
9	ĐT.726	Giao với đường Trường Sơn Đông, thành phố Đà Lạt	Giao QL.55B (ĐT.721), thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên	IV, 2 làn xe

TT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô (cấp/làn xe)
II Xây dựng mới				
1	ĐT.723	Giao với QL.28B xã Tà Hin, huyện Đức Trọng	Giao với đường ĐT.725 xã Tân Hà, huyện Lâm Hà	IV, 2 làn xe
2	ĐT. 724B	ĐT.724 xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà	ĐT.725, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà	IV, 2 làn xe
3	ĐT.725C (tránh Tà Nung)	ĐT 725 xã Tà Nung thành phố Đà Lạt	ĐT 725 xã Tà Nung thành phố Đà Lạt	IV, 2 làn xe
4	ĐT.725D	ĐT.726, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà	ĐT.725, xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà	IV, 2 làn xe
5	ĐT.726B	Giao ĐT.726, xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm	Giáp ranh tỉnh Đắk Nông, huyện Bảo Lâm	IV, 2 làn xe
6	ĐT.726C	Giao QL.55, xã Lộc Bảo, huyện Bảo Lâm	Giáp ranh tỉnh Đắk Nông, huyện Bảo Lâm	IV, 2 làn xe
7	ĐT.727	Giao QL.28, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh	Giao QL.20, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc	IV, 2 làn xe
8	ĐT.728	Giao QL.20 xã Phú Hội, huyện Đức Trọng	Giáp ranh tỉnh Ninh Thuận, huyện Đức Trọng	IV, 2 làn xe
9	ĐT.728B	Giao ĐT.728 xã Đa Quyn, huyện Đức Trọng	Giáp ranh tỉnh Bình Thuận, huyện Đức Trọng	IV, 2 làn xe
10	ĐT.730	Giao QL.20 xã Hà Lâm, huyện Đa Huoai	Giao tuyến tránh phía Tây Bảo Lộc, xã Đạm B'ri, thành phố Bảo Lộc	IV, 2 làn xe

Ghi chú:

- Quy mô, vị trí tuyến và chiều dài cụ thể các tuyến đường trong danh mục trên được tính toán xác định chuẩn xác trong quá trình lập các thủ tục đầu tư. Số làn xe đến 2030 có thể được mở rộng theo quy mô quy hoạch sau 2030 khi có nhu cầu thực tế.

- Đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô, lộ giới xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị.

- Khi xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư, các nội dung chi tiết về quy mô, địa điểm xây dựng, hướng tuyến của từng dự án có thể có sự điều chỉnh để phù hợp với thực tế, nhưng phải bảo đảm mục tiêu dự án phù hợp với quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan chuyên môn có liên quan.

B. Đường sắt

STT	Tên tuyến	Lộ trình đầu tư
I	Tuyến đường sắt quốc gia	
	Tháp Chàm - Đà Lạt	2021 - 2030
II	Tuyến đường sắt đô thị (tramway/monorail)	
1	Tuyến ga Đà Lạt đi sân bay Liên Khương, huyện Đức Trọng	2021 - 2030
2	Tuyến ga Đà Lạt đi Suối Vàng	Sau 2030
3	Tuyến từ ngã ba An Kroet (ga trung chuyển thuộc tuyến ga Đà Lạt đi Suối Vàng) đi Langbiang	Sau 2030
4	Tuyến ga Đà Lạt đi hồ Tuyền Lâm	Sau 2030
5	Tuyến ga Đà Lạt đi khu du lịch Thung lũng Tình yêu	Sau 2030
6	Tuyến ga Đà Lạt đi ngã ba Tùng Lâm	Sau 2030

Ghi chú:

- Các tuyến ga tiềm năng được xác định phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Các tuyến qua đô thị quy mô thực hiện theo quy hoạch đô thị.
- Tên, vị trí, quy mô, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

C. Cảng cạn

TT	Tên cảng	Địa điểm
	Các cảng xây dựng mới	
1	Cảng cạn huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng
2	Cảng cạn Bảo Lộc (sau năm 2030)	Thành phố Bảo Lộc

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

D. Cảng hàng không

TT	Tên Cảng hàng không	Quy mô, cấp sân bay	Công suất thiết kế dự kiến (triệu hành khách/năm)		Diện tích đất dự kiến (ha)	
			2030	2050	2030	2050
	Cảng hàng không quốc tế Liên Khương	4E	5,0	7,0	340,84	486,84

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Nguồn điện

I. Các dự án phát triển nguồn điện trong danh mục phát triển điện lực quốc gia: Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. Các dự án phát triển nguồn điện đề xuất:

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
I	Khu vực các nguồn điện hiện hữu					
I.1	Thủy điện					
1	Thủy điện Đa Nhim		240	240		Đã vận hành
2	Thủy điện Đại Ninh		300	300		Đã vận hành
3	Thủy điện Đồng Nai 2		70	70		Đã vận hành
4	Thủy điện Đồng Nai 3		180	180		Đã vận hành
5	Thủy điện Đồng Nai 4		340	340		Đã vận hành
6	Thủy điện Đồng Nai 5		150	150		Đã vận hành
7	Thủy điện Quảng Hiệp		0,5	0,5		Đã vận hành
8	Thủy điện Lộc Phát		0,6	0,6		Đã vận hành
9	Thủy điện Suối Vàng		4,4	4,4		Đã vận hành
10	Thủy điện Bảo Lộc		24,5	24,5		Đã vận hành
11	Thủy điện Đa M'Bri		75	75		Đã vận hành
12	Thủy điện Đa Dâng 2		34	34		Đã vận hành
13	Thủy điện Đa Siat		13,5	13,5		Đã vận hành
14	Thủy điện Đa Khai		8,1	8,1		Đã vận hành
15	Thủy điện Tà Nung		2	2		Đã vận hành
16	Thủy điện Đam Bol		9,6	9,6		Đã vận hành
17	Thủy điện Đăk Mê 1		6,5	6,5		Đã vận hành
18	Thủy điện Đa Kai		8	8		Đã vận hành
19	Thủy điện Yan Tann Sien		19,5	19,5		Đã vận hành
20	Thủy điện Đại Nga		10	10		Đã vận hành
21	Thủy điện Krông Nô 2		30	30		Đã vận hành
22	Thủy điện Krông Nô 3		18	18		Đã vận hành
23	Thủy điện Đa Dâng 3		12	12		Đã vận hành

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
24	Thủy điện Đa Trou Kea		4,5	4,5		Đã vận hành
25	Thủy điện Đa R'cao		2	2		Đã vận hành
26	Thủy điện Sar Deung		5	5		Đã vận hành
27	Thủy điện Đa Dâng		14	14		Đã vận hành
28	Thủy điện Đam Bri 1		7,5	7,5		Đã vận hành
29	Thủy điện An Phước		12	12		Đã vận hành
30	Thủy điện Đa Cho Mo 2		4,6	4,6		Đã vận hành
31	Thủy điện Sar Deung 2		3	3		Đã vận hành
32	Thủy điện Tân Lộc		12,4	12,4		Đã vận hành
33	Thủy điện Đồng Nai 1		15	15		Đã vận hành
34	Thủy điện Đa Cho Mo		9	9		Đã vận hành
35	Thủy điện Đại Bình		15	15		Đã vận hành
I.2	Nhiệt điện					
36	Nhiệt điện Bauxit nhôm					Đã vận hành
II	Khu vực các nguồn điện tiềm năng					
II.1	Thủy điện	Tên sông/suối				
*	Theo các quy hoạch đã được Bộ Công Thương phê duyệt					
1	Đa Sar (cuối năm 2023)	Đa Nhim		12		Quyết định số 1477/QĐ-BCT ngày 26/7/2022 của Bộ Công Thương
2	Đa Br'Len* (đang triển khai)	Đa Br'Len		6,2		Quyết định số 764/QĐ-BCT ngày 06/3/2018 của Bộ Công Thương
3	Đa Hir	Đa Hir		26		Quyết định số 9274/QĐ-BCT ngày 09/12/2013 của Bộ Công Thương
4	Tân Thượng	Đồng Nai		22		Quyết định số 11173/QĐ-BCT ngày 16/10/2016 của Bộ Công Thương

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
5	Bảo Lâm	Đồng Nai		10		Quyết định số 1679/QĐ-BCT ngày 11/5/2017 của Bộ Công Thương
6	Đức Thành	Đồng Nai		40		Quyết định số 149/QĐ-BCT ngày 17/01/2017 của Bộ Công Thương
7	Đạ Huoai 2	Đạ Huoai		10		Quyết định số 1762/QĐ-BCT ngày 22/5/2018 của Bộ Công Thương
8	Cam Ly	Cam Ly		12		Đề nghị điều chỉnh dự án đã được chấp thuận tại Quyết định số 2401/QĐ-BCT ngày 14/6/2016 của Bộ Công Thương
9	Đa Nhim Thượng 2	Đa Nhim		12		Đề nghị điều chỉnh dự án đã được chấp thuận tại Quyết định số 8265/QĐ-BCT ngày 10/8/2015 của Bộ Công Thương
10	Đam Bri 2	Đạ Huoai		12		Đề nghị điều chỉnh dự án đã được chấp thuận tại Quyết định số 3454/QĐ-BCN ngày 18/10/2005 của Bộ Công nghiệp
*	Nguồn điện tiềm năng					
11	Khu vực thủy điện	Cam Ly		12		Xây dựng mới
12	Khu vực thủy điện	Đa Lang Bian		16		Xây dựng mới
13	Khu vực thủy điện	Đa Khai		6		Xây dựng mới

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
14	Khu vực thủy điện	Đa Nhim		18		Xây dựng mới
15	Khu vực thủy điện	Đa Dâng		10		Xây dựng mới
16	Khu vực thủy điện	Đa Nhim		10		Xây dựng mới
17	Khu vực thủy điện	Đa Nhim		20		Xây dựng mới
18	Khu vực thủy điện	Đa Queyon		10		Xây dựng mới
19	Khu vực thủy điện	Đa R'Le		10		Xây dựng mới
20	Khu vực thủy điện	Đa Mê		12		Xây dựng mới
21	Khu vực thủy điện	La Ngà		36		Xây dựng mới
22	Khu vực thủy điện	Đa R'Sal		42		Xây dựng mới
23	Khu vực thủy điện	Đồng Nai		50		Xây dựng mới
24	Khu vực thủy điện	Đạ Lây		16		Xây dựng mới
25	Khu vực thủy điện	Đa Kron		12		Xây dựng mới
26	Khu vực thủy điện	Sông Nhun		10		Xây dựng mới
27	Khu vực thủy điện	Đam Bri		10		Xây dựng mới
II.2	THỦY ĐIỆN TÍCH NĂNG					
1	Khu vực thủy điện tích năng	Huyện Di Linh			1.500	Xây dựng mới
2	Khu vực thủy điện tích năng	Huyện Đạ Tẻh			1.000	Xây dựng mới
3	Khu vực thủy điện tích năng	Huyện Di Linh			600	Xây dựng mới
4	Khu vực thủy điện tích năng	Huyện Lâm Hà			800	Xây dựng mới
5	Khu vực thủy điện tích năng	Huyện Di Linh			1.000	Xây dựng mới
6	Khu vực thủy điện tích năng	Huyện Di Linh			1.000	Xây dựng mới
II.3	ĐIỆN GIÓ					
1	Khu vực điện gió	Thành phố Đà Lạt		68		Xây dựng mới
2	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		50		Xây dựng mới
3	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		50		Xây dựng mới
4	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		48		Xây dựng mới
5	Khu vực điện gió	Huyện Đức Trọng		113,4		Xây dựng mới
6	Khu vực điện gió	Huyện Đức Trọng		184,8		Xây dựng mới

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
7	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		49,8		Xây dựng mới
8	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		49,8		Xây dựng mới
9	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		49,8		Xây dựng mới
10	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương		49,8		Xây dựng mới
11	Khu vực điện gió	Huyện Đơn Dương			128	Xây dựng mới
12	Khu vực điện gió	Huyện Đức Trọng			100	Xây dựng mới
13	Khu vực điện gió	Huyện Di Linh			150	Xây dựng mới
14	Khu vực điện gió	Thành phố Đà Lạt			90	Xây dựng mới
15	Khu vực điện gió	Huyện Di Linh			50	Xây dựng mới
16	Khu vực điện gió	Huyện Lạc Dương			48	Xây dựng mới
17	Khu vực điện gió	Huyện Lạc Dương			48	Xây dựng mới
18	Khu vực điện gió	Huyện Đức Trọng			100	Xây dựng mới
II.4	ĐIỆN MẶT TRỜI					
1	Khu vực điện mặt trời	Huyện Đức Trọng			96	Xây dựng mới
2	Khu vực điện mặt trời	Huyện Cát Tiên			28	Xây dựng mới
3	Khu vực điện mặt trời	Huyện Lâm Hà			13	Xây dựng mới
4	Khu vực điện mặt trời	Huyện Lâm Hà			240	Xây dựng mới
5	Khu vực điện mặt trời	Huyện Bảo Lâm			12	Xây dựng mới
6	Khu vực điện mặt trời	Huyện Đa Thiện			38	Xây dựng mới
7	Khu vực điện mặt trời	Huyện Đam Rông			70	Xây dựng mới
8	Khu vực điện mặt trời	Huyện Bảo Lâm			17,5	Xây dựng mới

TT	Danh mục	Địa điểm	Quy mô, công suất (MW)			Ghi chú
			Hiện trạng	Dự kiến đến năm 2030	Công suất tiềm năng	
9	Khu vực điện mặt trời	Huyện Cát Tiên			70	Xây dựng mới
10	Khu vực điện mặt trời	Huyện Bảo Lâm			40	Xây dựng mới
11	Khu vực điện mặt trời	Huyện Di Linh, huyện Lâm Hà			40	Xây dựng mới
II.5	ĐIÊN RÁC					
1	Nhà máy điện rác	Huyện Đức Trọng		7,5		Xây dựng mới
2	Nhà máy điện rác	Thành phố Bảo Lộc		7,5		Xây dựng mới

Ghi chú: Số lượng, quy mô, vị trí dự án sẽ được cụ thể hóa ở Đề án phát triển năng lượng và chủ trương đầu tư của từng dự án. Dự kiến dự án nguồn điện tiềm năng, phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện, tiêu chí, luận chứng tại Quy hoạch điện VIII. Việc triển khai các dự án này chỉ được thực hiện khi bảo đảm:

- Phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan;
- Phù hợp với khả năng hấp thụ của hệ thống, khả năng giải tỏa công suất của lưới điện, giá thành điện năng và chi phí truyền tải hợp lý gắn với bảo đảm an toàn vận hành và tính kinh tế chung của hệ thống điện; bảo đảm an ninh quốc phòng, an ninh năng lượng và mang lại hiệu quả kinh tế cao.

B. Trạm biến áp (TBA)

I. Trạm 500kV và 220kV: Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. Trạm 110kV

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến	
1	Trạm 110/22 kV Đà Lạt 1 công suất 2x40 MVA			Duy trì
2	Trạm 110/22 kV Đà Lạt 2 công suất (2x40 MVA)			Duy trì
3	Trạm 110/22 kv Đơn Dương công suất (2x40 MVA)			Duy trì
4	Máy biến áp 110/22 kV - 40 MVA đặt bên trong trạm 220 kV Bảo Lộc			Duy trì

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến	
5	Trạm 110/22/6,3 kV Bauxit nhôm công suất 2x15 MVA			Duy trì
6	Xây dựng mới TBA 110/22kV Xuân Thọ		T1: 40MVA, T2: 40MVA	Xây dựng mới
7	Xây dựng mới TBA 110/22kV Phú Bình		T1: 40 MVA	Xây dựng mới
8	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đam Rông		T1: 40 MVA; T2: 40 MVA (2031 - 2050)	Xây dựng mới
9	Xây dựng mới TBA 110/22kV Hòa Ninh		T1: 40 MVA; T2: 40 MVA (2031 - 2050)	Xây dựng mới
10	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đà Loan		T1: 40 MVA ; T2: 40 MVA (2031 - 2050)	Xây dựng mới
11	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đơn Dương 2		T1: 40 MVA; T2: 40 MVA (2031 - 2050)	Xây dựng mới
12	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đà Lạt 3		T1: 40 MVA; T2: 40 MVA (2031 - 2050)	Xây dựng mới
13	Xây dựng mới TBA 110/22kV Lâm Hà 2		T1: 40 MVA; T2: 40 MVA (2031 - 2050)	Xây dựng mới
14	Xây dựng mới TBA 110/22kV Bảo Lộc 2		T1: 63MVA, T2: 63 MVA	Xây dựng mới
15	Xây dựng mới TBA 110/22kV Bảo Lộc 3		T1: 63 MVA	Xây dựng mới
16	Xây dựng mới TBA 110/22kV Cát Tiên		T1: 40MVA, T2: 40 MVA 2031- 2050)	Xây dựng mới
17	Xây dựng mới TBA 110/22kV Đa Huoai		T1: 40 MVA, T2: 40 MVA	Xây dựng mới
18	Xây dựng mới Trạm cắt 110kV Ninh Gia (4 ngăn lộ 110 kV)			Xây dựng mới
19	Nâng công suất TBA 110kV Lâm Hà		Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
20	Nâng công suất TBA 110kV Đức Trọng	T2: 25MVA	40 MVA	Cải tạo, mở rộng

TT	Tên trạm biến áp	Quy mô, công suất (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Công suất dự kiến	
21	Nâng công suất TBA 110kV Suối Vàng	T2: 25MVA	Lắp máy T1: 40 MVA; T2: 25 MVA thành 40MVA	Cải tạo, mở rộng
22	Nâng công suất TBA 110kV Bảo Lâm		Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
23	Nâng công suất TBA 110kV Đạ Tẻh		Lắp máy T2: 40 MVA	Cải tạo, mở rộng
24	Nâng công suất TBA 110kV Di Linh	Từ 2x25MVA	2x40 MVA	Cải tạo, mở rộng

C. Đường dây

I. Đường dây 500kV, 220kV: Thực hiện theo Quy hoạch điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

II. Đường dây 110kV

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
1	Đường dây 110kV Đức Trọng 2 - Đức Trọng		Dây dẫn ACSR – 2x185	Nâng cấp
2	Đường dây 110kV Bảo Lộc - Lộc Châu - Đambri			Duy trì
3	Đường dây 110kV Đambri - Đạ Tẻh		Dây dẫn ACSR – 2x240	Nâng cấp
4	Đường dây 110kV Suối Vàng - Yan Tan Sien			Duy trì
5	Đường dây 110kV Suối Vàng - Krông Nô 2			Duy trì
6	Đường dây 110kV Krông Nô 2- Krông Nô 3			Duy trì
7	Đường dây 110kV Đa Dâng 2- Đa Dâng 3		Dây dẫn ACSR - 2x240	Nâng cấp
8	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Xuân Thọ (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đa Nhim - suối vàng)		Dây dẫn ACSR- 2x240	Xây dựng mới
9	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Phú Bình (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng - Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR- 400	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
10	Xuất tuyến 110 kV từ TBA 220 kV Đức Trọng 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng - Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
11	Đường dây 110kV Đam Rông - Lâm Hà (Đầu nối trạm TBA 110kV Đam Rông)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
12	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Hòa Ninh (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ TBA 220kV Bảo Lộc - Di Linh)		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
13	Đường dây 110kV Bảo Lộc 2 - Bảo Lâm		Dây dẫn ACSR-400	Xây dựng mới
14	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Đà Loan (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Đức Trọng - Nhà máy thủy điện Đa Dâng 2)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
15	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Đơn Dương 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV từ TBA 220kV Đức Trọng - Đà Lạt 1)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
16	Đường dây 110kV Lâm Hà - Suối Vàng		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
17	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Đà Lạt 3 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lâm Hà - Suối Vàng)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
18	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Lâm Hà 2 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lâm Hà - Suối Vàng)		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
19	Nhánh rẽ đầu nối TBA 110 kV Bảo Lộc 3 (Chuyển tiếp trên đường dây 110kV Bảo Lộc 2 - Bảo Lâm)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
20	Đường dây 110kV Trạm 220 kV Đức Trọng - Rẽ Đức Trọng - Thủy điện Đa Dâng 2		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
21	Đường dây 110kV Bảo Lộc 2 - Rẽ Trạm 220 kV Bảo Lộc - Thủy điện Đam Bri 2		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
22	Đường dây 110kV Đạ Tẻh - Cát Tiên		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
23	Đường dây 110kV Đạ Huoai - Rẽ Thủy điện Đam Bri 2 - Đạ Tẻh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
24	Đường dây 110kV Điện gió Xuân Trường 2 - Rẽ Thủy điện Đa Nhim – Đơn Dương		Dây dẫn ACSR-2x185	Xây dựng mới
25	Đường dây 110kV Điện gió Cầu Đất (gđ1) - Rẽ Đa Nhim - Suối Vàng		Dây dẫn ACSR-2x240	Xây dựng mới
26	Đường dây 110kV Thủy điện Đồng Nai 1 - Rẽ Thủy điện Đa Dâng 3 - Di Linh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
27	Đường dây 110kV Thủy điện Tân Thượng - Rẽ Di Linh - Trạm 220 kV Bảo Lộc		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
28	Đường dây 110kV Điện mặt trời Tam Bó - Rẽ Thủy điện Đa Dâng 3 - Di Linh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
29	Đường dây 110kV Thủy điện Đa Hir - Trạm 220 kV Đa Nhim		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
30	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ Đăk Lô - Cát Tiên		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
31	Đường dây 110kV Điện mặt trời Hồ Đạ Hâm - Đạ Tẻh		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
32	Đường dây 110kV Thủy điện Lộc Nam - Thủy điện Bảo Lộc		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
33	Đường dây 110kV Thủy điện Đạ Kho - Rẽ Đạ Tẻh - Tân Phú (Đồng Nai)		Dây dẫn ACSR-240	Xây dựng mới
34	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim - Đơn Dương	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện
35	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đơn Dương - Đức Trọng	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện

TT	Tên đường dây	Quy mô (số mạch)		Ghi chú
		Hiện trạng	Quy mô dự kiến năm 2030	
36	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc - Di Linh	Từ AC-185	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
37	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc - Bảo Lâm	Từ AC-185	ACSR400	Cải tạo, nâng tiết diện
38	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Bảo Lộc - Bảo Lộc 2 - Thủy điện Đam Bri 2	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
39	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Trạm 220 kV Đức Trọng - Đà Lạt 1	Từ AC-185	ACSR-2x185	Cải tạo, nâng tiết diện
40	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim - Suối Vàng	Từ AC336MCM	ACSR400	Cải tạo, nâng tiết diện
41	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đà Lạt 2 - Đà Lạt 1	Từ AC336MCM	2xAC240	Cải tạo, nâng tiết diện
42	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Suối Vàng - Đà Lạt 2	Từ AC240	2xAC240	Cải tạo, nâng tiết diện
43	Cải tạo đường dây 110kV Đức Trọng - Lâm Hà		Thành 2 mạch, dây dẫn ACSR-240	Cải tạo, nâng tiết diện
44	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Tềh - Tân Phú (Đồng Nai)	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
45	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Dâng 2 - Đức Trọng	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện
46	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110kV Đa Dâng 3 - Nhà máy thủy điện Đồng Nai 1 - Di Linh	Từ AC-240	ACSR-2x240	Cải tạo, nâng tiết diện

Ghi chú:

- Chiều dài đường dây 110kV được tính trên địa phận tỉnh Lâm Đồng.
- Hướng tuyến, chiều dài đường dây truyền tải và phân phối điện; địa điểm, quy mô công suất các công trình nhà máy điện, trạm biến áp xác định cụ thể khi lập các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định.

D. Tổng hợp khối lượng dự kiến xây dựng mới và cải tạo lưới trung, hạ thế giai đoạn đến năm 2030

STT	Hạng mục	Đơn vị	2021 - 2025	2026 - 2030
I	Lưới trung áp			
1	Trạm biến áp phân phối			
	- Xây dựng mới	trạm/MVA	527/23,7	679/67,303
	- Cải tạo	trạm/MVA	20/2,09	445/53,388
2	Đường dây trung áp			
	- Xây dựng mới	km	641,422	598,34
	- Cải tạo	km	46,473	826,85
II	Lưới hạ áp			
	Đường dây hạ áp xây dựng mới	km	826,9	755,35
	Đường dây hạ áp cải tạo	km	93,03	412,8
	Công tơ	cái	23.622	22.841

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THỦY LỢI, CẤP NƯỚC
TỈNH LÂM ĐỒNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Thủy lợi

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
A	CÔNG TRÌNH CẢI TẠO NÂNG CẤP, 92 công trình			14.566 ha
1	Nâng cấp, sửa chữa hồ An Bình	Lộc An	Bảo Lâm	30
2	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 1	Lộc Bảo	Bảo Lâm	150
3	Nâng cấp, sửa chữa hồ Lâm Trường	Thị trấn Lộc Thắng	Bảo Lâm	20
4	Nâng cấp, sửa chữa hồ Bầu Địa	Lộc Tân	Bảo Lâm	30
5	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 3 Lộc Tân	Lộc Tân	Bảo Lâm	170
6	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 1 Lộc Phú	Lộc Phú	Bảo Lâm	100
7	Nâng cấp, sửa chữa hồ Tân Rai	Thị trấn Lộc Thắng	Bảo Lâm	500
8	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 4 Lộc Bắc	Lộc Bắc	Bảo Lâm	150
9	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 3 B'lá	B'lá	Bảo Lâm	110
10	Sửa chữa cụm ao và đập tràn xã Lộc An	Lộc An	Bảo Lâm	150
11	Nâng cấp, sửa chữa hồ Nao Quang xã Lộc Phú	Lộc Bảo	Bảo Lâm	70
12	Hồ thôn 2	Lộc Bảo	Bảo Lâm	80
13	Hồ thôn 2	Lộc Tân	Bảo Lâm	40
14	Hồ ĐắcKa	Lộc Bắc	Bảo Lâm	100
15	Hồ Đa Kim xã Lộc Nam	Lộc Nam	Bảo Lâm	100
16	Hồ thôn 5	Lộc Quảng	Bảo Lâm	30
17	Nâng cấp, sửa chữa hồ Lộc Thanh	Lộc Thanh	Bảo Lộc	500
18	Nâng cấp, sửa chữa hồ Nam Phương	Phường Lộc Phát	Bảo Lộc	Cấp nước, điều tiết tiêu
19	Nâng cấp, sửa chữa hồ 28/3	Lộc Châu	Bảo Lộc	100, điều tiết lũ
20	Nạo vét hồ thôn 3	ĐamBri	Bảo Lộc	300
21	Nạo vét hồ thôn 6	ĐamBri	Bảo Lộc	150
22	Nạo vét hồ thôn 9	ĐamBri	Bảo Lộc	200
23	Nạo vét hồ thôn 12	ĐamBri	Bảo Lộc	150
24	Nâng cấp, sửa chữa hồ Mai Thành	Lộc Tiến	Bảo Lộc	400, điều tiết lũ

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
25	Nâng cấp, sửa chữa hồ Tư Nghĩa	Quảng Ngãi	Cát Tiên	221
26	Nạo vét hồ Bê Đê	Đồng Nai Thượng	Cát Tiên	47
27	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống kênh hồ Đắc Lô	Gia Viễn	Cát Tiên	930
28	Nâng cấp, sửa chữa hồ Bà Đơn	Nam Ninh	Cát Tiên	40
29	Nâng cấp, sửa chữa hồ Phước Trung	Phước Cát 2	Cát Tiên	360
30	Nâng cấp, sửa chữa hồ Đạ Li Ông	Thị trấn Mađaguôi	Đạ Huoai	167
31	Nâng cấp hồ Đạ Nar	Đạ Oai	Đạ Huoai	200
32	Nâng cấp hồ Đạ Đắc	Phước Lộc	Đạ Huoai	151 ha
33	Nâng cấp, sửa chữa, nạo vét hồ Mê Linh	Phường 9	Đà Lạt	Hồ điều tiết lũ
34	Nâng cấp khôi phục hồ Vạn Kiếp	Phường 7, Phường 8	Đà Lạt	Hồ điều tiết lũ
35	Nâng cấp, sửa chữa hồ Thái Phiên	Phường 12	Đà Lạt	54, Điều tiết lũ
36	Nạo vét, sửa chữa hồ Tập Đoàn 5 Cam Ly	Phường 5	Đà Lạt	35, Điều tiết lũ
37	Nạo vét, sửa chữa hồ Tà Nung	Tà Nung	Đà Lạt	116, Điều tiết lũ
38	Nâng cấp, sửa chữa hồ 26/2 (Tự Phước)	Phường 11	Đà Lạt	25, Điều tiết lũ
39	Nâng cấp hồ Vạn Thành	Phường 5	Đà Lạt	50, Điều tiết lũ
40	Nạo vét hồ Thành Lộc	Xuân Thọ	Đà Lạt	25, Điều tiết lũ
41	Cải tạo, chỉnh trang hồ lửng số 2	Phường 10	Đà Lạt	Điều tiết lũ
42	Nạo vét, chống ngập úng suối Đạ Mí cho khu vực huyện Đạ Tẻh		Đạ Tẻh	Tiêu úng
43	Nâng cấp, sửa chữa hồ Đạ Hàm	An Nhơn	Đạ Tẻh	
44	Nạo vét hồ Đạ Hàm	An Nhơn	Đạ Tẻh	425
45	Sửa chữa cải tạo đập dâng Đạ Kho và hệ thống Kênh	Đạ Kho	Đạ Tẻh	
46	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Con Ó	Mỹ Đức	Đạ Tẻh	135
47	Nâng cấp, sửa chữa hồ Di Linh	Đạ K'Nàng	Đam Rông	135
48	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Đạ Tiêng Tan	Đạ Tông	Đam Rông	120
49	Nâng cấp hồ Đạ Ri Ông	Rô Men	Đam Rông	178
50	Nâng cấp công trình thủy lợi Dong Jri	Đạ M'Rông	Đam Rông	92
51	Nâng cấp, sửa chữa đập đầu mối Đắc Mê	Đạ Long	Đam Rông	20

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
52	Nâng cấp đập tạm thôn 4	Rô Men	Đam Rông	30
53	Nâng cấp, sửa chữa đập Brui Kmé	Đình Trang Hòa	Di Linh	175
54	Nâng cấp, sửa chữa hồ Liên Hoàn (3 hồ)	Đình Trang Hòa	Di Linh	500
55	Nâng cấp hồ Kon Rum	Hòa Bắc	Di Linh	130
56	Nâng cấp hồ La Õn	Hòa Bắc	Di Linh	185
57	Nâng cấp, sửa chữa hồ Ka la	Bảo Thuận	Di Linh	2.026
58	Nâng cấp, sửa chữa 2 trạm bơm trên kênh N9, N13 hồ Ka La	Bảo Thuận	Di Linh	100
59	Nâng cấp, sửa chữa hồ Đồng Đò	Thị trấn Di Linh	Di Linh	30
60	Nâng cấp, sửa chữa hồ Đạ S' Rol	Tân Thượng	Di Linh	150
61	Nâng cấp, sửa chữa hồ Thôn 3+4 xã Tân Châu	Tân Châu	Di Linh	250
62	Nâng cấp, sửa chữa đập dâng Đa Nở 2	Đình Trang Hòa	Di Linh	40
63	Nâng cấp, sửa chữa hồ Thôn 2 Nam Trung	Đình Trang Hòa	Di Linh	50
64	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 6	Đình Trang Hòa	Di Linh	90
65	Sửa chữa Hồ chứa nhỏ thôn Gia Bắc	Tân Nghĩa	Di Linh	10
66	Nâng cấp Hồ Đạ Huống	Gia Bắc	Di Linh	10
67	Nâng cấp Hồ Nam Ninh	Hòa Bình	Di Linh	50
68	Kiên cố hóa kênh tiêu cánh đồng Liên Nghĩa - Phú Hội		Di Linh	6000 m
69	Nâng cấp sửa chữa hồ số 7	Thị trấn Lạc Dương	Lạc Dương	266
70	Nâng cấp sửa chữa hồ Đan Kia	Xã Lát	Lạc Dương	350
71	Nâng cấp, sửa chữa hồ Tân Hòa	Mê Linh	Lâm Hà	70
72	Nâng cấp, sửa chữa hồ Việt Phát	Mê Linh	Lâm Hà	50
73	Nâng cấp, sửa chữa hồ Phúc Thọ	Phúc Thọ	Lâm Hà	900
74	Nâng cấp, sửa chữa hồ sinh học	Phi Tô	Lâm Hà	30
75	Nâng cấp, sửa chữa hồ Camly Thượng	Mê Linh	Lâm Hà	450
76	Nạo vét hồ Camly Thượng	Mê Linh	Lâm Hà	
77	Nâng cấp, sửa chữa hồ Hang Hót 1	Mê Linh	Lâm Hà	50
78	Nâng cấp, sửa chữa hồ Hang Hót 2	Mê Linh	Lâm Hà	70
79	Nâng cấp, sửa chữa hồ Hang Hót 3	Mê Linh	Lâm Hà	50
80	Nâng cấp, sửa chữa hồ Mê Linh	Mê Linh	Lâm Hà	33
81	Nâng cấp, sửa chữa hồ Buôn Chuối 2	Mê Linh	Lâm Hà	Cấp nước
82	Nâng cấp, sửa chữa hồ 5B Hoài Đức	Hoài Đức	Lâm Hà	60

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
83	Nâng cấp, sửa chữa hồ thôn 10 D	Ninh Loan	Đức Trọng	15
84	Nâng cấp, sửa chữa hồ Ba Râu	Tân Hội	Đức Trọng	60
85	Nâng cấp, sửa chữa hồ Yang Ly	N'Thol Hạ	Đức Trọng	100
86	Nâng cấp, sửa chữa hồ Đạ Ròn	Đạ Ròn	Đơn Dương	550
87	Nạo vét hồ Đạ Ròn	Đạ Ròn	Đơn Dương	
88	Nâng cấp, sửa chữa hồ Suối Thông A-B	Đạ Ròn	Đơn Dương	Cấp nước
89	Nâng cấp, sửa chữa Đập ĐaKale	Tu Tra	Đơn Dương	Cấp nước
90	Nâng cấp nạo vét hồ Bokabang	Tu Tra	Đơn Dương	145
91	Nâng cấp, sửa chữa hồ Ma Đanh	Tu Tra	Đơn Dương	53
92	Nạo vét kênh, sông suối hệ thống thủy lợi Lâm Đồng dài 150 km, tưới, tiêu, điều tiết lũ cho 2700 ha.		Địa bàn toàn tỉnh Lâm Đồng	150 km, cấp nước, điều tiết lũ
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP 29 công trình			15.305 ha
1	Hồ Đắc Long Thượng	Lộc Đức	Bảo Lâm	3076
2	Hồ Nông trường Lộc An	Lộc An	Bảo Lâm	300
3	Hồ Đa Quý	Xuân Thọ	Đà Lạt	45, du lịch
4	Hồ Tuyên Lâm	Phường 3	Đà Lạt	Tưới, cấp nước, du lịch
5	Hệ thống thủy lợi Tuyên Lâm	Phường 3	Đà Lạt	559
6	Nạo vét suối Tân lập		Đạ Tẻh	tiêu
7	Hồ Đạ Na Hát	Đạ K' Nàng	Đam Rông	110
8	Kênh mương Hồ R'Lom	Tu Tra	Đơn Dương	180
9	Hồ Ka Zam	Ka Đô	Đơn Dương	818
10	Nâng cấp hồ PRóh	PRóh	Đơn Dương	430
11	Hồ K'Nai (giai đoạn 2)	Phú Hội	Đức Trọng	668
12	Hồ Ta Hoét (đầu mối)	Hiệp An	Đức Trọng	2.580
13	Hệ thống kênh mương hồ Ta Hoét	Hiệp An	Đức Trọng	2.580
14	Hồ Hiệp Thuận	Ninh Gia	Đức Trọng	1.100
15	Đập dâng K'Long Tum	Hiệp An	Đức Trọng	200

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
16	Hồ Đông Thanh + Xử lý sạt lở đất tại hồ chứa Đông Thanh xã Đông Thanh (Công văn 7222/UBND-KH ngày 21.8.2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng đề nghị Thủ tướng Chính phủ).	Đông Thanh	Lâm Hà	700
17	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Cam Ly Thượng	Mê Linh	Lâm Hà	450
18	Nâng cấp hồ Lãm Pô	Phúc Thọ	Lâm Hà	45
19	Nâng cấp hồ Thống Nhất	Đan Phượng	Lâm Hà	84
20	Nâng cấp hồ Từ Liêm	Nam Ban	Lâm Hà	50
21	Nâng cấp hồ Thúy Khải	Đan Phượng	Lâm Hà	50
22	Hệ thống kênh chính, cấp 1 hồ Đạ Sĩ (Cát Tiên) và hồ Đạ Lây (Đạ Tẻh)		Cát Tiên ĐạTẻh	3.911
23	Hệ thống kênh nội đồng hồ Đạ Sĩ (Cát Tiên) và hồ Đạ Lây (Đạ Tẻh)		Cát Tiên ĐạTẻh	3.911
24	Nâng cấp hồ Đạ BoBo B	Gia Viễn	Cát Tiên	64
25	Nâng cấp hồ Đinh Trang Thượng 2	Đinh Trang thượng	Di Linh	200
26	Đập dâng nước Đạ M' Ri	Thị trấn Đạ M' Ri	Đạ Huoai	170
27	Hồ thôn 2	Mađaguôi	Đạ Huoai	50
28	Hồ thôn 3	Đạ Tồn	Đạ Huoai	50
29	Đập dâng nước thôn 6	Mađaguôi	Đạ Huoai	19
C	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XÂY MỚI, tổng cộng 91 công trình			29.240 ha
1	Hồ Đạ Mi 1 (Đạ Mui)	Lộc Nam	Bảo Lâm	700
2	Hồ Đartanh1	Lộc Bắc	Bảo Lâm	600
3	Hồ Quin Don	Lộc Đức	Bảo Lâm	900
4	Hồ ĐarGna 2	B' Lá	Bảo Lâm	600
5	Hồ ĐaNos 4	Lộc Ngãi	Bảo Lâm	600
6	Hồ Đạ Gle	Lộc Đức	Bảo Lâm	700
7	Hồ B'Đơn	Lộc An	Bảo Lâm	250
8	Hồ Khánh Thượng 2	Lộc Đức	Bảo Lâm	250
9	Hồ thôn 3	Lộc Bắc	Bảo Lâm	150
10	Hồ Đạ Giang	Lộc Bảo	Bảo Lâm	150
11	Hồ Lộc Lâm 3	Lộc Lâm	Bảo Lâm	150
12	Hồ Darhanblang	Lộc Phú	Bảo Lâm	150
13	Hồ Khánh Thượng	Lộc Đức	Bảo Lâm	700
14	Hồ Lâm Trường 2	Thị trấn Lộc Phát	Bảo Lâm	100

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
15	Hồ Blaosere	Đại Lâm	Bảo Lộc	800
16	Hồ An Phú	Phường Lộc Tiến	Bảo Lộc	350
17	Hồ thôn 13	ĐamBri	Bảo Lộc	300
18	Hồ Suối Đĩa	Lộc Thanh	Bảo Lộc	150
19	Hồ Lộc Nga 1	Lộc Nga	Bảo Lộc	160
20	Trạm bơm Trảng 14	Thị trấn Cát Tiên	Cát Tiên	70
21	Hồ Bù Sa - Bi Nao	Đồng Nai Thượng	Cát Tiên	300
22	Hồ Đám Tre	Phước Cát	Cát Tiên	50
23	Trạm bơm Phước Cát 2	Phước Cát	Cát Tiên	57
24	Kênh tưới Cánh đồng Bầu C1, Khu vực Thái Bình Dương	Thị trấn Cát Tiên	Cát Tiên	180
25	Hồ Đạ K'Rum	Phước Lộc	Đạ Huoai	
26	Trạm bơm thôn 2	Mađaguôi	Đạ Huoai	200
27	Hồ Đạ Đum 2	Phước Lộc	Đạ Huoai	100
28	Hồ Đạ Tràng	Đạ Tồn	Đạ Huoai	530 (550ha)
29	Hồ Đạ Đum 1	Phước Lộc	Đạ Huoai	200
30	Hồ thôn 5	Phước Lộc	Đạ Huoai	100
31	Hồ Đạ Kền	Thị trấn Đạ M' Ri	Đạ Huoai	120
32	Hồ Đạ Bsa	Đạ P'Loa	Đạ Huoai	100
33	Hồ Đạ Giao	Đoàn Kết	Đạ Huoai	120
34	Hồ Prenn	Phường 3	Đà Lạt	500
35	Nạo vét, chỉnh trang suối hạ lưu Hồ Than Thở		Đà Lạt	Điều tiết lũ
36	Hồ ông Hát	Xuân Trường	Đà Lạt	50, Điều tiết lũ
37	Hồ Đa Miss	An Nhơn	Đạ Tẻh	350
38	Hồ Ton K'Long	Đạ Pal	Đạ Tẻh	350 + Cấp nước
39	Hồ chứa thôn 5	Triệu Hải	Đạ Tẻh	
40	Đập dâng Bon Tộp và Đạ Giồng	Liên Srôn	Đam Rông	200
41	Hồ Đạ Pin	Đạ K'Nàng	Đam Rông	200
42	Hồ và hệ thống kênh thôn Pul	Đạ K'Nàng	Đam Rông	150
43	Hồ Đạ Chong	RôMen	Đam Rông	100
44	Hồ Di Linh	Đạ K'Nàng	Đam Rông	125
45	Hồ ĐaNour 4	Tân Lâm	Di Linh	250

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
46	Hồ ĐaNour 1	Tân Lâm	Di Linh	300
47	Hồ ĐaNour 2	Tân Lâm	Di Linh	400
48	Hồ Liên xã Tam Bó - Gia Hiệp	Tam Bó, Gia Hiệp	Di Linh	500
49	Hồ Đa Nian 2	Tân Thượng	Di Linh	800
50	Hồ Đa Bao	Hòa Nam	Di Linh	900
51	Hồ Đa R' San	Sơn Điền	Di Linh	400
52	Hồ Đa Bo Ho	Liên Đàm	Di Linh	600
53	Hồ thôn Hàng Hải	Gung Ré	Di Linh	300
54	Hồ Thôn 3	Gia Hiệp	Di Linh	130
55	Hồ Darnew	Liên Đàm	Di Linh	300
56	Hồ thủy lợi Tây Hạ	Thị trấn Di Linh	Di Linh	200
57	Hồ thôn 6,7	xã Hòa Ninh	Di Linh	150
58	Hồ Tam bó	Tam Bó	Di Linh	300
59	Hồ thôn 6	Tân Châu	Di Linh	150
60	Hồ thôn 11,12	Đình Trang Hòa	Di Linh	80
61	Hồ P'Ró Trong (Diệp Lai)	P'Ró	Đơn Dương	300
62	Hồ R'Lom 2	Tu Tra	Đơn Dương	150
63	Hệ thống thủy lợi M'Răng	Lạc Lâm	Đơn Dương	400
64	Bổ sung 05 đập dâng, trạm bơm trên sông Đa Nhim tại cầu Châu Sơn, xã Lạc Xuân cầu thôn Lạc Thạnh xã Lạc Lâm; trạm bơm Thạnh Nghĩa, thị trấn Thạnh Mỹ; cầu ông Thiệu xã Tu Tra; cầu Tu tra, xã Đa Ròn	Lạc Xuân, Lạc Lâm, thị trấn Thạnh Mỹ, Tu Tra và Đa Ròn	Đơn Dương	
65	Hồ Chơ Rum (Cây Me)	Tà Năng	Đức Trọng	130
66	Trạm bơm Bắc Cam Ly	Bình Thạnh	Đức Trọng	100
67	Hồ Đà Loan	Đà Loan	Đức Trọng	200, cấp nước 2500 hộ
68	Đập Đa Quân 1	Đa Quyn	Đức Trọng	100
69	Xây lại kênh Phi Nôm		Đức Trọng Lâm Hà	100

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
70	Hồ Thượng nguồn Đan Kia 2	Thị trấn Lạc Dương	Lạc Dương	Du lịch, cấp nước 79.000 m ³ /ngày đêm
71	Hồ Đạ Sar	Đạ Sar	Lạc Dương	490
72	Hồ Thôn 6	Gia Lâm	Lâm Hà	500
73	Hồ Tân Thanh	Tân Thanh	Lâm Hà	400
74	Hồ Thôn 11 B	Tân Thanh	Lâm Hà	500
75	Hồ Phúc Tiến	Phúc Thọ	Lâm Hà	500
76	Hệ thống thủy lợi Đạ Chát	Thị trấn Đinh Văn	Lâm Hà	300
77	Hồ Đức Thành	Hoài Đức	Lâm Hà	300
78	Hồ Đức Long	Hoài Đức	Lâm Hà	500
79	Hồ Hai Bà Trưng 1	Nam Hà	Lâm Hà	300
80	Hồ Đan Hà	Đan Phượng	Lâm Hà	400
81	Hồ Liên Hòa 2	Phi Tô	Lâm Hà	400
82	Hồ Thạch Thất 2	Tân Hà	Lâm Hà	400
83	Hồ Thôn 6B	Tân Thanh	Lâm Hà	300
84	Hồ Tân Đức	Tân Hà	Lâm Hà	500
85	Hồ Ngọc Sơn 2	Phú Sơn	Lâm Hà	300
86	Hồ Chiến Thắng	Liên Hà	Lâm Hà	200
87	Hồ Cổng Trời	Mê Linh	Lâm Hà	200
88	Hồ Dalam Bou	Phúc Thọ	Lâm Hà	183
89	Hồ Da Blou	Phúc Thọ	Lâm Hà	200
90	Hồ Thôn 5	Tân Thanh	Lâm Hà	300
	HIỆN ĐẠI HÓA THỦY LỢI, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (ADB9)			4.268 ha
91	04 Hệ thống thủy lợi: Đạ Ròn, M'Răng, Đạ Đờn, Cam Ly Thượng			4.268
D	CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, 5 công trình			
1	Hồ Tịnh Tâm, khu du lịch Hang Cọp	Xuân Thọ	Đà Lạt	Du lịch, tưới 50 ha, phát điện 50KW
2	Hồ Đa Thiện 1,2, 4	Phường 8	Đà Lạt	Điều tiết lũ, du lịch, tưới 200 ha

TT	Tên công trình	Xã	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ: tưới, cấp nước, điều tiết lũ
3	Hồ Sở Hoa (Sở Lãng)	Phường 8	Đà Lạt	Điều tiết lũ, tưới 150 ha, du lịch
4	Hồ chứa nước B'Can, xã Lạc Xuân	xã Lạc Xuân,	Đơn Dương	Tưới 400 ha
5	Hồ Pơ Lêng	P'Ró	Đơn Dương	Tưới 180 ha

Ghi chú: Quy mô, dung tích, nhiệm vụ, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực đầu tư của từng giai đoạn.

B. Cấp nước

STT	Tên công trình	Công suất dự kiến (m ³ /ngày)	Nguồn nước dự kiến	Phạm vi phục vụ	Địa điểm dự kiến
A Xây dựng mới					
1	Nhà máy nước Đa Thiện	3.500	Hồ Đa Thiện	Cung cấp cho thành phố Đà Lạt, thị trấn Lạc Dương, một phần thị xã Đức Trọng (đô thị Liên Khương - Prenn)	Thành phố Đà Lạt
2	Nhà máy nước hồ Than Thở	5.000	Hồ Chiến Thắng		
3	Nhà máy nước khu du lịch		Hồ Tuyên Lâm		
4	Nhà máy nước Lộc Thắng	55.000	Hồ Lộc Thắng	Thành phố Bảo Lộc, thị trấn Lộc Thắng, đô thị Lộc An, khu công nghiệp	Huyện Bảo Lâm
5	Nhà máy nước Đại Nga	20.000	Sông Đại Nga	Thành phố Bảo Lộc, thị trấn Lộc Thắng, đô thị Lộc An, khu công nghiệp	Huyện Bảo Lâm
6	Nhà máy nước hồ Ka La	22.000	Hồ KaLa	Thị trấn Di Linh; các xã: Gun Ré, Bảo Thuận, Đinh Lạc, Gia Hiệp, Tân Châu, Liên Đàm và cụm công nghiệp	Huyện Di Linh
7	Nhà máy nước Hòa Ninh	12.000	Nước mặt hồ số 6 xã Đinh Trang Hòa	Đô Thị Hòa Ninh; các xã: Đinh Trang Hòa, Hòa Trung, Hòa Bắc, một phần đô thị Lộc An	Huyện Di Linh
8	Nhà máy nước thị trấn Đ' Ran	10.000	Hồ thủy điện Đơn	Cung cấp cho cho thị trấn Đ'ran và một phần	Huyện Đơn

STT	Tên công trình	Công suất dự kiến (m ³ /ngày)	Nguồn nước dự kiến	Phạm vi phục vụ	Địa điểm dự kiến
			Dương	dân cư nông thôn dọc theo quốc lộ 27, hỗ trợ thị trấn Thạnh Mỹ.	Dương
9	Nhà máy nước KaZam	5.000	Hồ thủy lợi KaZam	Cung cấp cho thị trấn Thạnh Mỹ và một phần dân cư nông thôn dọc theo quốc lộ 27, hỗ trợ cấp Đức Trọng	Huyện Đơn Dương
10	Nhà máy nước Ta Hoét 1	27.000	Hồ Ta Hoét	Khu công nghiệp Phú Hội	Huyện Đức Trọng
11	Nhà máy nước Ta Hoét 2	17.000	Hồ Ta Hoét dẫn theo ống thủy lợi đến Tân Hội	Huyện Đức trọng	Huyện Đức Trọng
12	Nhà máy nước khác	17.000		Khu du lịch Đại Ninh	Huyện Đức Trọng
13	Nhà máy nước thị trấn Nam Ban	5.000	Hồ Đông Thanh	Thị trấn Nam Ban	Huyện Lâm Hà
14	Nhà máy nước Lâm Hà	40.000	Nước mặt (cần xây dựng hồ chứa kết hợp hồ lắng sơ cấp)	Một phần thị xã Đức Trọng, thị trấn Đinh Văn, hỗ trợ thị trấn Nam Ban	Huyện Lâm Hà
15	Nhà máy nước Phúc Thọ	6.500	Hồ Phúc Thọ	Thị trấn Tân Hà	Huyện Lâm Hà
16	Nhà máy nước tại xã Đa Oai	2.000	Sông Đa Huoai	Cung cấp cho cụm công nghiệp, xã Đa Oai, một phần xã Mađaguôi	Huyện Đa Huoai
B	Nâng cấp, cải tạo				
1	Nhà máy nước Đankia 1	55.000	Hồ Đankia	Cung cấp cho thành phố Đà Lạt, thị trấn Lạc Dương, một phần thị xã Đức Trọng (đô thị Liên Khương - Prenn)	Thành phố Đà Lạt
2	Nhà máy nước Đankia 2	25.000	Hồ Đankia		
3	Nhà máy nước hồ Tuyên Lâm	20.000	Hồ Tuyên Lâm		
4	Nhà máy nước Phát Chi	5.000	Hồ Phát chi	Cụm công nghiệp Phát Chi, xã Trường Xuân	Thành phố Đà Lạt
5	Nhà máy nước Đinh Văn	3.000	Nước mặt	Thị trấn Đinh Văn	Huyện Lâm Hà

STT	Tên công trình	Công suất dự kiến (m ³ /ngày)	Nguồn nước dự kiến	Phạm vi phục vụ	Địa điểm dự kiến
6	Nhà máy nước Bằng Lăng	6.000	Hồ Đa Long	Cấp cho 2 thị trấn và cụm công nghiệp, một phần dân cư nông thôn	Huyện Đam Rông
7	Nhà máy nước Đa Rsal	4.000	Hồ Đa chao		
8	Nhà máy nước hồ Nam Phương	22.000	Hồ Nam Phương	Thành phố Bảo Lộc, khu công nghiệp Lộc Phát	Thành phố Bảo Lộc
9	Nhà máy nước thị trấn Mađaguôi	5.000	Hồ khu phố 4	Thị trấn Mađaguôi, xã Mađaguôi	Huyện Đa Huoai
10	Nhà máy nước thị trấn Đa M'ri	2.000	Hồ Suối Lạnh	Thị trấn Đa M'ri	Huyện Đa Huoai
11	Nhà máy nước Đa Têh	8.000	Hồ Đa Têh	Thị trấn Đa Têh và dân cư các xã Đa Kho, Hà Đông, Triệu Hải.	Huyện Đa Têh
12	Nhà máy nước đô thị Phước Cát	5.000	Sông Đồng Nai	Kết nối mạng lưới giữa 2 nhà máy nước cung cấp toàn bộ cho 2 thị trấn và các xã phía Nam của huyện	Huyện Cát Tiên
13	Nhà máy nước thị trấn Cát Tiên	6.000	Sông Đồng Nai		
	Tổng cộng	400.000			

Ghi chú:

- Trong quá trình xem xét chấp thuận các đề xuất chủ trương đầu tư, các chi tiết về nội dung, quy mô và địa điểm xây dựng công trình của từng dự án cụ thể có thể có sự điều chỉnh khác với quy hoạch để phù hợp với tình hình thực tế, nhưng cần phải đảm bảo mục tiêu dự án phù hợp quy hoạch và được sự thống nhất của các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tên, quy mô, công suất, diện tích, địa điểm, phạm vi cấp nước, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án theo quy định.

- Vị trí, quy mô, công suất của đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) và trạm bơm tăng áp trên các tuyến ống truyền tải được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhà máy nước, trạm cấp nước và phù hợp với nhu cầu cấp nước của địa phương.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI,
NGHĨA TRANG, CƠ SỞ HỎA TÁNG TỈNH LÂM ĐỒNG
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Xử lý chất thải

TT	Khu xử lý chất thải	Địa điểm dự kiến	Diện tích (ha)
I	Khu xử lý (KXL), bãi chôn lấp cấp tỉnh		
I.1	Nâng cấp, cải tạo		
1	KXL Xuân Trường	Thành phố Đà Lạt	31
2	KXL Đại Lào	Thành phố Bảo Lộc	25
3	KXL tập trung huyện Đức Trọng	Huyện Đức Trọng	9,5
4	KXL thị trấn Đinh Văn	Huyện Lâm Hà	8
5	KXL Đạ Huoai	Huyện Đạ Huoai	21,4
I.2	Xây dựng mới		
	KXL Liên Đàm	Huyện Di Linh	12
II	Khu xử lý, bãi chôn lấp cấp vùng huyện và huyện		
II.1	Nâng cấp, cải tạo		
1	KXL Đạ Sar	Huyện Lạc Dương	2,5
2	KXL Ka Đô	Huyện Đơn Dương	12
3	KXL Rô Men	Huyện Đam Rông	5,7
4	KXL Lộc Phú	Huyện Bảo Lâm	10
5	KXL Đạ kho	Huyện Đạ Tẻh	12
6	KXL Phi Liêng	Huyện Đam Rông	5,3
II.2	Xây dựng mới		
1	KXL Cát Tiên	Huyện Cát Tiên	15
2	KXL Phước Cát	Huyện Cát Tiên	4,4

B. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

TT	Tên công trình	Phân loại	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	Nghĩa trang và cơ sở hỏa táng			
1	Công viên nghĩa trang Xuân Thọ	Cấp I	Thành phố Đà Lạt	Tiếp tục xây dựng
2	Nghĩa trang Tà Nung	Cấp I	Thành phố Đà Lạt	Xây dựng mới
3	Nghĩa trang Đại Lào	Cấp I	Thành phố Bảo Lộc	Xây dựng mới
4	Nghĩa trang Lộc Thanh	Cấp III	Thành phố Bảo Lộc	Xây dựng mới
5	Nghĩa trang Đam Rông	Cấp III	Huyện Đam Rông	Xây dựng mới

TT	Tên công trình	Phân loại	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
6	Công viên nghĩa trang thị trấn Lạc Dương	Cấp III	Huyện Lạc Dương	Nâng cấp, cải tạo
7	Nghĩa trang Lâm Hà	Cấp III	Huyện Lâm Hà	Xây dựng mới
8	Nghĩa trang Ka Đô	Cấp III	Huyện Đơn Dương	Xây dựng mới
9	Công viên nghĩa trang Tân Phú	Cấp I	Huyện Đức Trọng	Xây dựng mới
10	Nghĩa trang Gung Ré	Cấp I	Huyện Di Linh	Nâng cấp, cải tạo
11	Nghĩa trang Gung Ràng	Cấp III	Huyện Di Linh	Nâng cấp, cải tạo
12	Nghĩa trang Bảo Lâm	Cấp II	Huyện Bảo Lâm	Xây dựng mới
13	Mở rộng nghĩa trang thị trấn Magaguôi	Cấp III	Huyện Đạ Huoai	Nâng cấp, cải tạo
14	Mở rộng nghĩa trang thị trấn Đạ M'ri	Cấp III	Huyện Đạ Huoai	Nâng cấp, cải tạo
15	Nghĩa trang Đạ Tẻh	Cấp III	Huyện Đạ Tẻh	Xây dựng mới
16	Nghĩa trang Cát Tiên	Cấp III	Huyện Cát Tiên	Xây dựng mới
II	Nhà tang lễ			
1	Nhà tang lễ tỉnh Lâm Đồng	Cấp tỉnh	Thành phố Đà Lạt	Xây dựng mới
2	Nhà tang lễ thành phố Đà Lạt	Cấp huyện	Thành phố Đà Lạt	Xây dựng mới
3	Nhà tang lễ thành phố Bảo Lộc	Cấp huyện	Thành phố Bảo Lộc	Xây dựng mới
4	Nhà tang lễ huyện Đam Rông	Cấp huyện	Huyện Đam Rông	Xây dựng mới
5	Nhà tang lễ huyện Lạc Dương	Cấp huyện	Huyện Lạc Dương	Xây dựng mới
6	Nhà tang lễ huyện Lâm Hà	Cấp huyện	Huyện Lâm Hà	Xây dựng mới
7	Nhà tang lễ huyện Đơn Dương	Cấp huyện	Huyện Đơn Dương	Xây dựng mới
8	Nhà tang lễ thị xã Đức Trọng	Cấp huyện	Thị xã Đức Trọng	Xây dựng mới
9	Nhà tang lễ huyện Di Linh	Cấp huyện	huyện Di Linh	Xây dựng mới
10	Nhà tang lễ huyện Bảo Lâm	Cấp huyện	Huyện Bảo Lâm	Xây dựng mới
11	Nhà tang lễ huyện Đạ Huoai	Cấp huyện	Huyện Đạ Huoai	Xây dựng mới
12	Nhà tang lễ huyện Đạ Tẻh	Cấp huyện	Huyện Đạ Tẻh	Xây dựng mới
13	Nhà tang lễ huyện Cát Tiên	Cấp huyện	Huyện Cát Tiên	Xây dựng mới

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án theo quy định. Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào Quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nông thôn.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
VÀ CỨU HỘ CỨU NẠN TỈNH LÂM ĐỒNG
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Kèm theo Quyết định số 1727/QĐ-TTg
ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Địa điểm
1	Nâng cấp, bổ sung đầy đủ trang thiết bị, nhân lực Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt
2	Nâng cấp, bổ sung đầy đủ trang thiết bị, nhân lực Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Bảo Lộc	Thành phố Bảo Lộc
3	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Đức Trọng	Thị trấn Liên Nghĩa
4	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Đạ Tẻh	Thị trấn Đạ Tẻh
5	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Di Linh	Thị trấn Di Linh
6	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Đơn Dương	Thị trấn Thạch Mỹ
7	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng
8	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Lạc Dương	Thị trấn Lạc Dương
9	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Lâm Hà	Thị trấn Đình Văn
10	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Bảo Lâm	Thị trấn Lộc Thắng
11	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Cát Tiên	Thị trấn Cát Tiên
12	Xây dựng trụ sở đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Đạ Huoai	Thị trấn Mađaguôi

Ghi chú: Quy mô, địa điểm xây dựng, diện tích sử dụng đất từng công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy sẽ xác định cụ thể trong các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và khi lập dự án đầu tư bảo đảm phù hợp với yêu cầu hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành và bán kính phục vụ.